

Bản án số: 75/2019/HS-ST

Ngày: 28- 8- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đích và ông Nguyễn Kim Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo - Là Thư ký Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Thái Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 76/2019/HS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N.** Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 07 tháng 6 năm 1990, tại Đà Nẵng.

Nơi ĐKKHKT: Số 379/46 T, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Không; con ông Lương Văn X, sinh năm: 1966 và bà Đặng Thị Phương N, sinh năm: 1965; có chồng tên Ngô Thanh T, sinh năm: 1989 và 01 con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 25/4/2019, bị Tòa án nhân dân quận H tuyên phạt 18 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an TP. Đà Nẵng.
Có mặt.

** Bị hại:*

1. Anh **Trần Thanh M**, sinh năm 1987; trú tại: Số 128 Đ, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

2. Anh **Trần Thanh N**, sinh năm 1976; trú tại: Tổ 04 phường H quận C, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Phạm Lê N**, sinh năm 1972; trú tại: Tổ 37 phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

2. Anh **Ngô Thanh T**, sinh năm 1989; trú tại: Số 98 L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

3. Anh **Phan Trung N**, sinh năm 1968; trú tại: K43/3 H, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do đã nhiều lần thuê xe mô tô để sử dụng nên Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N quen biết với anh Trần Thanh M làm dịch vụ cho thuê xe. Vào khoảng đầu tháng 9 năm 2018, do có nhu cầu thuê xe để làm phương tiện đi lại, Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N đã liên hệ với anh Trần Thanh M thuê 2 chiếc xe mô tô với giá tiền là 100.000 đồng/01 ngày. (01 chiếc cho N sử dụng và 01 chiếc cho mẹ của N là bà Đặng Thị Phương N sử dụng). Anh Trần Thanh M đồng ý và mang 01 xe mô tô nhãn hiệu AirBlade màu trắng (không nhớ biển kiểm soát) đến số 205 Nguyễn Văn T, phường A, quận S, TP Đà Nẵng để giao cho N thuê. Sau đó một ngày, do hết xe cho thuê nên anh Trần Thanh M liên lạc với anh ruột của mình là Trần Thanh N để anh N mang một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Air Blade màu vàng đen, biển kiểm soát 43C1- 678.88 đến giao cho N thuê tại trước số nhà: Số 205 đường Nguyễn Văn T, phường A, quận S, TP Đà Nẵng. Lúc này, do Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N bận nên không trực tiếp nhận mà nhờ mẹ là Đặng Thị Phương N nhận xe. Sau đó vài ngày,

anh Trần Thanh M mang một chiếc mô tô nhãn hiệu Air Blade màu cam đen, biển kiểm soát 43D1- 252. 69 đến để đổi xe mô tô hiệu Air Blade màu trắng đã cho N thuê trước đó. Việc anh Trần Thanh M cho Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N thuê 02 chiếc xe mô tô này không có giấy tờ thuê xe vì lý do có quen biết với nhau từ trước.

Trong thời gian thuê xe để làm phương tiện đi lại, do có nhiều người đến đòi nợ mẹ mình là bà Đặng Thị Phương N nên Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt 02 xe mô tô này và mang cầm cố lấy tiền tiêu xài và trả nợ. Vì xe không có giấy tờ nên Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N đã liên hệ với anh Phạm Lê N để cầm xe mô tô Air Blade màu vàng đen, biển kiểm soát 43C1- 678.88 với số tiền là 6.000.000 đồng. Vài ngày sau N liên hệ anh Phan Trung N mượn số tiền 8.000.000 đồng và để lại xe mô tô Air Blade màu cam đen, biển kiểm soát 43D1- 252.69 để làm tin (cầm cố bằng hình thức mượn tiền). Toàn bộ số tiền cầm cố được, Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N đã sử dụng vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Đến đầu tháng 11 năm 2018, anh Trần Thanh M liên hệ với Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N để đòi xe và tiền thuê xe, N nói tiếp tục thuê và chuyển trả tiền thuê xe cho anh M với số tiền là 04 triệu đồng. Đến khoảng giữa tháng 12 năm 2018, anh M gọi điện thoại cho N thì N không nghe máy, anh M tìm gặp mẹ N thì được biết N đã cầm 2 xe trên và hứa sẽ chuộc lại xe trả cho anh M. Sau đó, anh Trần Thanh M liên hệ được với N thì N nói đã mang 02 chiếc xe này đi cầm cố, hiện đang còn thiếu 4.000.000 đồng nên sẽ chuộc xe về trả cho anh M sau. Sau khi nghe N nói vậy, vì muốn nhanh chóng lấy lại xe nên anh Trần Thanh M đã đến gặp anh Ngô Thanh T – là chồng của N và đưa số tiền 4.000.000 đồng để nhờ anh T đưa cho N để N chuộc xe về trả cho anh M (N không biết số tiền 4.000.000 đồng T đưa là của anh M). Cũng trong thời gian này, anh Trần Thanh N liên hệ được với Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N thì được biết N đã mang 02 chiếc xe này đi cầm với số tiền là 24.000.000 đồng, hiện N đã có 20.000.000 đồng nên hỏi mượn anh N thêm 4.000.000 đồng để chuộc xe về trả. Anh N đồng ý và N hẹn anh N đến số 205 Đ, TP Đà Nẵng để đưa tiền và nhận xe. Khi anh N đến, do N bận đi mượn thêm tiền để chuộc xe nên nhờ người thanh niên tên H (chưa xác định được nhân thân, lai

lịch) đến gặp anh N để nhận tiền, đồng thời N đưa số điện thoại 0905.914.124 của người thanh niên tên H cho anh N để anh N đưa tiền. Sau khi nhận tiền từ anh N, người thanh niên tên H mang về đưa cho N. Do không mượn được tiền từ bạn bè để chuộc lại xe nên toàn bộ số tiền 8.000.000 đồng đã nhận từ anh T và anh N, Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N đã tiêu xài hết.

Đến ngày 01.6.2019, anh Trần Thanh N phát hiện xe mô tô Air Blade màu vàng đen, biển kiểm soát 43C1- 678.88 của đã cho N thuê đang để tại nhà số K120/17 Đ, TP Đà Nẵng nên đã báo Cơ quan Công an đến thu giữ. Tiếp đó, đến ngày 14.6.2019, anh Trần Thanh M phát hiện xe mô tô hiệu Air Blade màu cam đen, biển kiểm soát 43D1- 252. 69 của mình đang dựng tại kiệt 51 H, TP Đà Nẵng nên đã báo với Cơ quan Công an đến thu giữ và đưa về trụ sở làm việc.

Tang vật thu giữ:

- 01 xe mô tô Air Blade màu vàng đen, biển kiểm soát 43C1- 678.88; *(Đã được trao trả lại cho anh Trần Thanh N theo Quyết định xử lý vật chứng số: 61 ngày 01.6.2019).*

- 01 xe mô tô Air Blade màu cam đen, biển kiểm soát 43D1- 252.69; *(Đã được trao trả lại cho anh Trần Thanh M theo Quyết định xử lý vật chứng số: 66 ngày 19.6.2019).*

- 01 Giấy mượn tiền đề ngày 10.9.2018 do Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N viết thể hiện nội dung mượn của anh Phan Trung N số tiền 8.000.000 đồng. *(Lưu hồ sơ vụ án).*

Tại Kết luận số 24/2019/HĐĐGTSTTTHS ngày 22.3.2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận S xác định:

- 01 xe mô tô hiệu Hon da Air Blade màu vàng đen, biển kiểm soát 43C1- 678.88 có giá trị còn lại là: 19.000.000 đồng;

- 01 xe mô tô hiệu Hon da Air Blade màu cam đen, biển kiểm soát 43D1- 252.69 có giá trị còn lại là: 26.600.000 đồng.

*** Về dân sự:**

- Anh Trần Thanh N đã nhận lại xe mô tô hiệu Honda Air Blade màu vàng đen, biển kiểm soát 43C1- 678.88 và yêu cầu đền bù số tiền 4.000.000 đồng, anh

Trần Thanh M đã nhận lại xe mô tô hiệu Hon da Air Blade màu cam đen, biển kiểm soát 43D1- 252.69 và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Các anh Phạm Lê N, Phan Trung N không yêu cầu Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N bồi thường lại số tiền đã cầm xe.

* Tại phiên tòa, lời khai của bị hại anh Trần Thanh N phù hợp với lời khai của bị cáo.

* Lời khai của bị hại anh Trần Thanh M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Lê N, Ngô Thanh T và Phan Trung N được HĐXX công bố tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo.

Cáo trạng số 61/CT- VKS ngày 20/6/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị can Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh nói trên, đồng thời đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N từ 24 tháng đến 30 tháng tù giam. Tổng hợp với 18 tháng tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của bản án số 36/2019/HSST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân quận H. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại anh Trần Thanh N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.000.000 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, anh N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền trên, nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

- Tiếp tục lưu hồ sơ 01 Giấy mượn tiền đề ngày 10.9.2018 do Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N viết thể hiện nội dung mượn của anh Phan Trung N số tiền 8.000.000 đồng.

- Truy thu của bị cáo N số tiền 14.000.000 đồng có được từ việc cầm 02 chiếc xe mô tô cho anh Phạm Lê N và Phan Trung N.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Tại phiên tòa, bị hại anh Trần Thanh N không có ý kiến tranh luận gì.

Bị hại anh Trần Thanh M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các chứng cứ, tài liệu khác mà cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng đầu tháng 9/2018, sau khi N thuê 02 xe mô tô hiệu Air Blade mang các biển kiểm soát 43C1-678.88 và 43D1-252.69. Tổng giá trị của 02 chiếc xe là 45.600.000 đồng của các anh Trần Thanh N và anh Trần Thanh M để làm phương tiện đi lại.

Thời gian này, mẹ của N bị nhiều người đến đòi nợ nên N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt và mang xe mô tô hiệu Air Blade biển kiểm soát 43C1-678.88 cầm cố cho anh Phạm Lê N lấy số tiền 6.000.000 đồng và xe mô tô hiệu Air Blade mang

biển kiểm soát 43D1-252.69 cầm cố cho anh Phan Trung N lấy số tiền 8.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bị cáo cầm cố 02 chiếc xe là 14.000.000 đồng để trả nợ và tiêu xài. Vì đã quá thời gian cam kết trả lại xe đã thuê cho anh M và anh N, đồng thời anh M và anh N cũng nhiều lần yêu cầu N trả lại xe nhưng do xe đã bị N mang đi cầm cố và không có khả năng chuộc lại xe. Mặc dù cầm 02 xe với số tiền 14.000.000 đồng, nhưng khi anh M và anh N đòi xe thì N nói đã cầm 02 chiếc xe trên với số tiền 24.000.000 đồng và nói dối với anh N là đã có được 20.000.000 đồng, chỉ còn thiếu 4.000.000 đồng nữa mới đủ tiền để chuộc lại xe *(nhưng thực tế lúc này N không hề có đủ số tiền để chuộc lại xe như đã nói với anh N - N nói như vậy để anh N tin và đưa tiền cho N, việc này đã được xác định tại phiên tòa là đúng)* và anh N đã đưa 4.000.000 đồng – N hứa trả tiền trong vòng 01 tuần. Anh N đồng ý và hẹn N đến địa chỉ số 205 Đ để đưa tiền và nhận xe. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 23/11/2018, N điện cho anh N và cho số điện thoại của 01 người thanh niên tên H (chưa xác định được nhân thân, lại lịch) bảo anh N đưa tiền cho người thanh niên này và nói dối với anh N là số điện thoại của Phạm Lê N - người đang cầm xe của anh N để anh N chủ động liên lạc và đưa số tiền 4.000.000 đồng cho người thanh niên này để chuộc lại xe. Sau khi anh N đưa tiền cho người thanh niên tên Hoàng thì người này nói anh N đợi 15 phút sau sẽ mang xe ra trả. Tuy nhiên, đợi mãi không thấy thanh niên này trở lại và đã tắt máy không liên lạc được nên anh N liên lạc lại với N thì N tiếp tục nói dối hẹn 01 tiếng sau sẽ có người mang xe đến cho anh N nhưng vẫn không thực hiện và cũng tắt máy không liên lạc được. Vài ngày sau N có liên lạc lại cho anh N hứa sẽ trả số tiền 4.000.000 đồng, sau đó tắt máy và không liên lạc nữa. Số tiền 4.000.000 đồng trên N không chuộc xe mà đã sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân. *Xét thấy hành vi gian dối, dùng thủ đoạn xảo quyệt nhằm chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng từ anh Trần Thanh N của bị cáo N có dấu hiệu phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự nhưng chưa được khởi tố nên Tòa án đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung để làm rõ hành vi của chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng của anh N nhưng VKSND quận S vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố, chuyển hồ sơ đề nghị đưa vụ án ra xét xử theo luật định là có dấu hiệu bỏ lọt tội Lừa đảo chiếm đoạt tài*

sản đối với bị cáo. Do giới hạn xét xử quy định tại 298 của BLTTHS nên Tòa án chỉ xét xử bị cáo với những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Theo cáo trạng, hành vi chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 49.600.000 đồng của bị cáo Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Bị cáo Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, pháp luật nghiêm cấm nhưng với ý thức xem thường pháp luật, lợi dụng lòng tin của bị hại nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị 49.600.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội nên cần phải bị nghiêm trị.

[4] Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 25/4/2019, bị Tòa án nhân dân quận H xử phạt 18 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Điều này chứng tỏ rằng bị cáo rất coi thường pháp luật nếu không có biện pháp cải tạo, giáo dục tốt thì dễ trở thành loại tội phạm chuyên nghiệp, gây nguy hiểm cho xã hội. Trong vụ án này, bị cáo 03 lần thực hiện hành vi phạm tội đều đủ yếu tố cấu thành nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Do đó, phải chịu thêm tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Song tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn; tỏ ra biết ăn năn hối cải. HĐXX xem đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS khi cân nhắc áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

[5] HĐXX căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án (bản án số 36/2019/HSST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân quận H là bản án ngày hôm nay) là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Tại phiên tòa hôm nay, bị hại Trần Thanh N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 4.000.000 đồng, nên HĐXX không đề cập đến.

[6.2] Tại phiên tòa hôm nay, các anh Phạm Lê N, Phan Trung N vắng mặt nhưng trong hồ sơ thể hiện không yêu cầu Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N bồi thường lại số tiền cầm xe nên HĐXX không đề cập đến.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Đối với 01 xe mô tô Air Blade màu vàng đen, biển kiểm soát 43C1-678.88 của anh Trần Thanh N và 01 xe mô tô Air Blade màu cam đen, biển kiểm soát 43D1- 252.69 của anh Trần Thanh M đã được Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Sơn Trà trao trả lại cho anh N và anh M là phù hợp nên HĐXX không đề cập đến.

[7.2] Đối với 01 Giấy mượn tiền đề ngày 10.9.2018 do Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N viết thể hiện nội dung mượn của anh Phan Trung N số tiền 8.000.000 đồng. *(Lưu theo hồ sơ vụ án).*

[7.3] Đối với số tiền 14.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính mà N có được từ việc cầm 02 chiếc xe mô tô. Trong đó, cầm cho anh Phạm Lê N chiếc xe Air Blade màu vàng đen, biển kiểm soát 43C1-678.88, với số tiền: 6.000.000 đồng và cầm cho anh Phan Trung N chiếc xe Air Blade màu cam đen, biển kiểm soát 43D1- 252.69, với số tiền 8.000.000 đồng - cần truy thu sung công quỹ Nhà nước.

[7.4] Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 174 Bộ luật hình sự đối với số tiền 4.000.000 đồng của bị cáo Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N.

[8] Trong vụ án này còn có:

- Người thanh niên tên H, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch, đồng thời Cơ quan CSĐT CA quận S đã ra Lệnh thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm số 312 ngày 09.5.2019 nhưng đến nay chưa có kết quả trả lời nên tách ra để tiếp tục điều tra xử lý sau.

- Các anh Phạm Lê N, Phan Trung N khi nhận cầm cố các xe mô tô nói trên không biết là tài sản do N chiếm đoạt mà có nên Cơ quan CSĐT CA quận S không đề cập xử lý.

- Bà Đặng Thị Phương N: Qua xác minh xác định bà Nguyễn đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, đi đâu, làm gì địa phương không biết nên chưa đủ cơ sở để xác định có hay không có sự liên quan trong vụ án nên Cơ quan CSĐT CA quận S tách ra để tiếp tục điều tra xử lý sau.

[9] Án phí HS-ST: 200.000 đồng bị cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N **30** (Ba mươi) tháng tù. Tổng hợp với **18** tháng tù, về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự của bản án số 36/2019/HSST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân quận H. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là **48** (Bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 15/12/2018. (*Theo Quyết định tạm giữ số 07 ngày 15/12/2018 của Công an quận H*).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

- Tiếp tục lưu hồ sơ 01 Giấy mượn tiền đề ngày 10.9.2018 do Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N viết thể hiện nội dung mượn của anh Phan Trung N số tiền 8.000.000 đồng.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền thu lợi bất chính 14.000.000 đồng của bị cáo N.

- Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 174 Bộ luật hình sự đối với số tiền 4.000.000 đồng của bị cáo Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N.

4. Án phí HS-ST: 200.000 đồng bị cáo Lương Đỗ Ngọc Quỳnh N phải chịu.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đường sự;
- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Đông Thanh